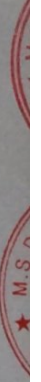


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHV

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	06 – 07
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	08
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	09
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	10 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư NHV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV (tên cũ: Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp; ngày 22 tháng 8 năm 2016 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội và được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4; ngày 05 tháng 09 năm 2017 Công ty chuyển trụ sở vào Thành phố Hồ Chí Minh và được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái” thành “Công ty Cổ phần Đầu tư NHV”; mã số doanh nghiệp là 4600483821.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp, thủy lợi, thủy điện); Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị khai thác mỏ và luyện kim; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Nhà hàng; Trồng trọt, chăn nuôi;...

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 4, phòng 4.05 khu chung cư kết hợp thương mại – văn phòng lô X (Sunrise City – North), số 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Minh Thiện	Chủ tịch	(từ ngày 18/08/2017)
Bà Dương Thu Uyên	Chủ tịch	(từ ngày 08/07/2017 đến ngày 18/08/2017)
Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch	(đến ngày 08/07/2017)
Bà Dương Thu Uyên	Thành viên	(từ ngày 18/08/2017)
Ông Phan Lưu Minh Thịnh	Thành viên	(từ ngày 07/07/2017)
Ông Lưu Minh Thiện	Thành viên	(từ ngày 07/07/2017 đến ngày 18/08/2017)
Bà Hoàng Thị Minh Hằng	Thành viên	(từ ngày 07/07/2017)
Bà Lâm Thị Tố Hân	Thành viên	(từ ngày 08/07/2017)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	(đến ngày 07/07/2017)
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên	(đến ngày 07/07/2017)
Bà Trần Thị Chinh	Thành viên	(đến ngày 07/07/2017)
Ông Lý Kiến Nam	Thành viên	(đến ngày 07/07/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc	(từ ngày 12/08/2017)
Bà Dương Thu Uyên	Tổng Giám đốc	(từ ngày 08/07/2017 đến ngày 12/08/2017)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc	(đến ngày 08/07/2017)
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc	(đến ngày 08/07/2017)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Ngọc Hoa	Trưởng ban	(từ ngày 12/08/2017)
Ông Lê Hà Thăng	Trưởng ban	(từ ngày 07/07/2017 đến 12/08/2017)
Bà Lý Thị Thu Hương	Trưởng ban	(đến ngày 07/07/2017)
Bà Phạm Thị Ngọc Hoa	Thành viên	(từ ngày 07/07/2017 đến 12/08/2017)
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên	(từ ngày 07/07/2017)
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên	(đến ngày 07/07/2017)
Ông Nguyễn Đức Tiến	Thành viên	(đến ngày 07/07/2017)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư NHV phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 của Công ty được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lưu Minh Thiện

Chủ tịch

Ngày 20 tháng 12 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Trung

Tổng Giám đốc

Số : 11-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV, được lập ngày 20/12/2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 320A.2/BCKT-TC ngày 22 tháng 04 năm 2016.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Lan

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0167-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Xuân Giang

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2784-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.072.368.269	73.276.113.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.494.858.585	135.026.682
1. Tiền	111		1.494.858.585	135.026.682
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.841.971.700	67.673.843.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	60.285.971.700	53.273.843.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	25.000.000	14.000.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	11.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.531.000.000	400.000.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
III. Hàng tồn kho	140	V.6	9.709.418.000	5.084.803.083
1. Hàng tồn kho	141		9.709.418.000	5.084.803.083
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.119.984	382.440.941
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.119.984	382.440.941
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.547.070.916	7.506.888.086
I. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	-
- Nguyên giá	222		34.900.000	34.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.900.000)	(34.900.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	462.566.494
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	462.566.494
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	11.520.000.000	7.020.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.500.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.020.000.000	7.020.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		27.070.916	24.321.592
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	27.070.916	24.321.592
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97.619.439.185	80.783.001.892

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

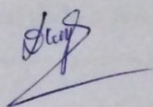
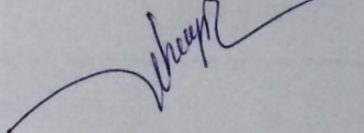
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		54.725.477.135	40.942.650.245
I. Nợ ngắn hạn	310		54.725.477.135	40.942.650.245
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	53.018.663.012	35.016.238.012
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	816.814.123	576.412.233
4. Phải trả người lao động	314		-	50.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	890.000.000	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	5.300.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.893.962.050	39.840.351.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	42.893.962.050	39.840.351.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.236.000.000	32.236.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.236.000.000	32.236.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.600.720.822	4.549.663.567
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.549.663.567	789.569.074
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.051.057.255	3.760.094.493
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.057.241.228	3.054.688.080
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97.619.439.185	80.783.001.892

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Phan Thị Khánh Dung

Trần Thị Thủy

Nguyễn Thành Trung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		72.331.879.286	84.651.336.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	72.331.879.286	84.651.336.131
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69.393.115.283	79.612.192.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.938.764.003	5.039.143.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	706.000.019	472.187.459
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	48.750.000	167.929.917
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	590.564.324	408.821.279
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.005.449.698	4.934.579.663
12. Thu nhập khác	31	VI.5	1.401.400.000	-
13. Chi phí khác	32	VI.6	498.915.172	-
14. Lợi nhuận khác	40		902.484.828	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.907.934.526	4.934.579.663
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	854.324.123	591.188.020
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.053.610.403	4.343.391.643
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		3.051.057.255	3.781.551.296
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.553.148	561.840.347
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	946	1.173

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thị Khánh Dung

Trần Thị Thủy

Nguyễn Thành Trung

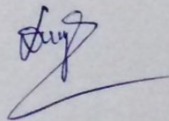
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

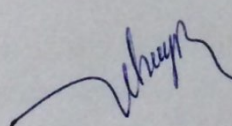
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.907.934.526	4.934.579.663
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(243.115.861)	(472.187.459)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.664.818.665	4.462.392.204
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.188.192.357	(41.884.217.977)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.624.614.917)	14.382.816.382
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.842.399.757	16.293.927.367
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.749.324)	(10.327.298)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(613.896.990)	(237.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.454.149.548	(6.992.909.322)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay	23	(11.000.000.000)	(3.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay	24	-	3.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.500.000.000)	(7.020.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	705.682.355	472.187.459
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.794.317.645)	3.452.187.459
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	12.800.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.300.000.000)	(11.010.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.300.000.000)	3.290.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.359.831.903	(250.721.863)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	135.026.682	385.748.545
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.494.858.585	135.026.682

Người lập biểu



Phan Thị Khánh Dung

Kế toán trưởng



Trần Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Trung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV (tên cũ: Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp; ngày 22 tháng 8 năm 2016 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội và được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4; ngày 05 tháng 09 năm 2017 Công ty chuyển trụ sở vào thành phố Hồ Chí Minh và được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái” thành “Công ty Cổ phần Đầu tư NHV”; mã số doanh nghiệp là 4600483821.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 4, phòng 4.05 khu chung cư kết hợp thương mại – văn phòng lô X (Sunrise City – North), số 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp, thủy lợi, thủy điện); Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị khai thác mỏ và luyện kim; Bán buôn thực phẩm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Nhà hàng; Trồng trọt, chăn nuôi;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số Công ty con tại ngày 31/12/2016 là: 1 công ty.

Số lượng các Công ty con được hợp nhất là: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nông sản Nam Á	75%	724 Thôn 1, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp

Số Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2016 là: 1 công ty.

Số lượng liên doanh, liên kết được hợp nhất là: 1 công ty.

Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty CP Nông nghiệp Việt Hưng	45%	Phố Chợ Đầu, xã Trung Nghĩa, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư NHV (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị

05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	593.625.947	103.250.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	901.232.638	31.776.170
Cộng	1.494.858.585	135.026.682

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	60.285.971.700	53.273.843.100
Công ty Cổ phần Solavina	-	10.077.563.100
Công ty TNHH MTV Long Nguyên Đắc Lắc	-	16.185.150.000
Công ty TNHH MTV Nông sản Hòa Thắng	-	13.963.130.000
Công ty TNHH Nông sản Tây Ninh	51.493.000	9.848.000.000
Công ty TNHH Nhãn Hồng Ngọc Việt	29.937.400.000	-
Công ty TNHH Hải Sơn	19.362.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Thương mại Xuất khẩu Hưng Yên	5.481.660.000	-
Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt	5.103.418.700	-
Phải thu khách hàng khác	350.000.000	3.200.000.000
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	10.077.563.100
Công ty Cổ phần Solavina	-	10.077.563.100

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long Anh	-	14.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	25.000.000	-
Cộng	25.000.000	14.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ông Nguyễn Hải Đăng (i)	5.000.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Cường (ii)	6.000.000.000	-
Cộng	11.000.000.000	-

- (i) Cho ông Nguyễn Hải Đăng vay theo hợp đồng số 02/2016-ĐTTTCNH-NHVT ngày 01/05/2016, thời hạn cho vay là 5 tháng kể từ ngày 01/05/2016, lãi suất cho vay 0,75%/tháng và phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 30/09/2016, gia hạn hợp đồng đến 30/4/2017. Cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Cho ông Nguyễn Mạnh Cường vay theo hợp đồng số 01/2016-ĐTTTCNH-NHVT ngày 01/04/2016, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 01/04/2016, lãi suất cho vay 0,75%/tháng và phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 30/09/2016, gia hạn hợp đồng đến 31/3/2017. Cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Ông Nguyễn Ngọc Anh tạm ứng	2.000.000.000	-
Ông Tạ Văn Trọng tạm ứng	911.000.000	-
Ông Trần Công Khá tạm ứng	620.000.000	-
Công ty CP Solavina	-	400.000.000
Cộng	3.531.000.000	400.000.000

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	9.709.418.000	-	5.084.803.083	-
Cộng	9.709.418.000	-	5.084.803.083	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính : VND

Máy móc, thiết bị

<i>Nguyên giá</i>	
Số dư đầu năm	34.900.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	34.900.000

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	34.900.000
Khấu hao trong năm	-
Số dư cuối năm	34.900.000

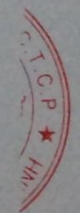
Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	-

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	-	-
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết chờ thanh lý	34.900.000	34.900.000

8. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	27.070.916	24.321.592
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	27.070.916	24.321.592
Cộng	27.070.916	24.321.592



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016				01/01/2016			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Đầu tư vào công ty liên kết		4.500.000.000	-			-	-	
Công ty CP Nông nghiệp Việt Hưng (i)	45%	4.500.000.000	-	(*)		-	-	
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.020.000.000	-		7.020.000.000	-		
Công ty CP Thủy sản Sông Công	18%	3.600.000.000	-	(*)	18%	3.600.000.000	-	(*)
Công ty CP Nông nghiệp Việt Nhật	19%	3.420.000.000	-	(*)	19%	3.420.000.000	-	(*)
Cộng		11.520.000.000	-		7.020.000.000	-		

(i) Công ty CP nông nghiệp Việt Hưng được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900987607 đăng ký lần đầu ngày 07/03/2016 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, ngành nghề kinh doanh chính là các sản phẩm nông nghiệp, vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, trong đó Công ty CP Đầu tư NHV nắm giữ 450.000 cổ phần chiếm 45% vốn điều lệ.

(*) Tại ngày 31/12/2016 và tại ngày 01/01/2016, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Solavina	-	31.430.500.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Hải Lưu	15.605.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xuân Phát	11.802.600.000	-
Công ty TNHH Đức Hòa Đắk Lắk	6.308.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Đại Phát	5.595.000.000	-
Công ty TNHH XNK Nông sản Thăng Long	4.986.400.000	-
Công ty CP Khoáng sản Quang Anh	3.585.738.012	3.585.738.012
Phải trả nhà cung cấp khác	5.135.925.000	-
Cộng	53.018.663.012	35.016.238.012

Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty CP Khoáng sản Quang Anh	3.585.738.012	3.585.738.012
---------------------------------	---------------	---------------

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	576.412.233	859.324.123	618.922.233	816.814.123
Thuế giá trị gia tăng	25.243	-	25.243	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	576.386.990	854.324.123	613.896.990	816.814.123
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
b) Phải thu	-	-	-	-

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả ông Tạ Văn Trọng tiền mượn	890.000.000	-
Cộng	890.000.000	-

13. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016	Trong năm		31/12/2016
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn cá nhân				-
Bà Nguyễn Thị Kim Nhung	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-
Cộng	5.300.000.000	-	5.300.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay trước	32.236.000.000	789.569.074	-	33.025.569.074
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát			2.500.000.000	2.500.000.000
Lãi trong năm trước		3.781.551.296	561.840.347	4.343.391.643
Giảm khác		(21.456.803)	(7.152.267)	(28.609.070)
Số dư cuối năm trước	32.236.000.000	4.549.663.567	3.054.688.080	39.840.351.647
Lãi trong năm nay		3.051.057.255	2.553.148	3.053.610.403
Số dư cuối năm nay	32.236.000.000	7.600.720.822	3.057.241.228	42.893.962.050

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	%	01/01/2016 VND	%
Ông Nguyễn Hồng Quang (*)	3.840.000.000	11,91	3.840.000.000	11,91
Ông Nguyễn Ngọc Anh (*)	2.560.000.000	7,94	2.560.000.000	7,94
Ông Trần Thượng Tường (*)	2.000.000.000	6,20	2.000.000.000	6,20
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	1.550.000.000	4,81	1.550.000.000	4,81
Các cổ đông khác	22.286.000.000	69,13	22.286.000.000	69,13
Cộng	32.236.000.000	100	32.236.000.000	100

(*) Ngày 13/07/2017 các cổ đông lớn gồm: ông Nguyễn Hồng Quang – chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Ngọc Anh – thành viên Hội đồng quản trị, ông Trần Thượng Tường đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại công ty cổ phần đầu tư NHV và không còn là cổ đông của công ty.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	32.236.000.000	32.236.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	32.236.000.000	32.236.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.223.600	3.223.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.223.600	3.223.600
- Cổ phiếu phổ thông	3.223.600	3.223.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.223.600	3.223.600
- Cổ phiếu phổ thông	3.223.600	3.223.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa khoáng sản	5.340.260.586	35.062.096.631
Doanh thu thuần về bán hàng hóa nông sản	66.641.618.700	49.589.239.500
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	350.000.000	-
Cộng	72.331.879.286	84.651.336.131
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Solavina	5.340.260.586	9.161.421.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa khoáng sản	5.084.803.083	32.321.055.031
Giá vốn hàng hóa nông sản	64.158.312.200	47.291.137.700
Giá vốn cung cấp dịch vụ	150.000.000	-
Cộng	69.393.115.283	79.612.192.731

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	706.000.019	272.187.459
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	200.000.000
Cộng	706.000.019	472.187.459

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí bán hàng	48.750.000	167.929.917
Chi phí nhân viên bán hàng	-	105.000.000
Các khoản chi phí bán hàng khác	48.750.000	62.929.917
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	590.564.324	408.821.279
Chi phí nhân viên quản lý	293.000.000	344.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.205.083	47.803.084
Các khoản chi phí quản lý khác	32.359.241	17.018.195

5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ các khoản vi phạm hợp đồng	1.401.400.000	-
Cộng	1.401.400.000	-

6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí liên quan vi phạm hợp đồng	462.566.494	-
Phạt vi phạm hành chính về thuế	36.348.678	-
Cộng	498.915.172	-

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế (thuế suất năm trước là 22%).

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	816.814.123	591.188.020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	37.510.000	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	854.324.123	591.188.020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.051.057.255	3.781.551.296
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.051.057.255	3.781.551.296
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.223.600	3.223.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	946	1.173

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	293.000.000	449.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.205.083	47.803.084
Chi phí khác bằng tiền	81.109.241	79.948.112
Cộng	789.314.324	576.751.196

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 13/07/2017 các cổ đông lớn gồm: ông Nguyễn Hồng Quang – chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Ngọc Anh – thành viên Hội đồng quản trị, ông Trần Thượng Tường đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty cổ phần đầu tư NHV và không còn là cổ đông của công ty.

Ngoài ra, rằng không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	96.000.000	151.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Solavina	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng hóa	5.340.260.586
Ông Nguyễn Hải Đăng	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	5.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc	Tạm ứng công tác	2.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Bên liên quan	Thanh toán tiền vay	2.300.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Nhung	Bên liên quan	Thanh toán tiền vay	3.000.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Bên liên quan	Cho vay	6.000.000.000

Cho đến ngày 31/12/2016, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả)
Ông Nguyễn Hải Đăng	Chủ tịch HĐQT	Phải thu tiền cho vay	5.000.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Bên liên quan	Phải thu tiền cho vay	6.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc	Phải thu tiền tạm ứng	2.000.000.000
Công ty CP Khoáng sản Quang Anh	Bên liên quan	Mua hàng	(3.585.738.012)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

- i. Kinh doanh các mặt hàng khoáng sản ;
- ii. Kinh doanh các mặt hàng nông sản ;
- iii. Kinh doanh khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Kinh doanh khoáng sản	Kinh doanh nông sản	Kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần và thu nhập khác	5.340.260.586	66.641.618.700	1.751.400.000	73.733.279.286
Các chi phí trực tiếp	(5.084.803.083)	(64.158.312.200)	(648.915.172)	(69.892.030.455)
Kết quả kinh doanh bộ phận	255.457.503	2.483.306.500	1.102.484.828	3.841.248.831
Các chi phí không phân bổ	-	-	-	(639.314.324)
Doanh thu tài chính	-	-	-	706.000.019
Chi phí tài chính	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	3.907.934.526
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	(854.324.123)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	3.053.610.403
Vào ngày 31/12/2016				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	2.049.500.000	69.476.889.700	-	71.526.389.700
Tiền và các khoản tương đương tiền				1.494.858.585
Các khoản đầu tư				11.520.000.000
Tài sản không phân bổ				13.078.190.900
Tổng tài sản				97.619.439.185
Nợ phải trả của bộ phận	3.585.738.012	50.172.925.000	150.000.000	53.908.663.012
Nợ phải trả không phân bổ				816.814.123
Tổng nợ phải trả				54.725.477.135

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Năm trước	Kinh doanh khoáng sản	Kinh doanh nông sản	Kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần và thu nhập khác	35.062.096.631	49.589.239.500	-	84.651.336.131
Các chi phí trực tiếp	(32.321.055.031)	(47.291.137.700)	-	(79.612.192.731)
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.741.041.600	2.298.101.800	-	5.039.143.400
Các chi phí không phân bổ	-	-	-	(576.751.196)
Doanh thu tài chính	-	-	-	472.187.459
Chi phí tài chính	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	4.934.579.663
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	(591.188.020)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	4.343.391.643
Vào ngày 31/12/2015				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	15.162.366.183	43.596.280.000	-	58.758.646.183
Tiền và các khoản tương đương tiền				135.026.682
Các khoản đầu tư				7.020.000.000
Tài sản không phân bổ				14.869.329.027
Tổng tài sản				80.783.001.892
Nợ phải trả của bộ phận	3.585.738.012	31.430.500.000	-	35.016.238.012
Nợ phải trả không phân bổ				5.926.412.233
Tổng nợ phải trả				40.942.650.245

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 31/12/2016. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 31/12/2016.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

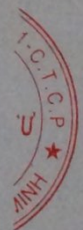
Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Số cuối năm	53.908.663.012	-	53.908.663.012
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả cho người bán	53.018.663.012	-	53.018.663.012
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	890.000.000	-	890.000.000
Số đầu năm	40.316.238.012	-	40.316.238.012
Vay và nợ thuê tài chính	5.300.000.000	-	5.300.000.000
Phải trả cho người bán	35.016.238.012	-	35.016.238.012
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K kiểm toán.

Số liệu này đã được trình bày lại một số chỉ tiêu để so sánh với năm nay như sau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Số liệu tại ngày 31/12/2015

	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	7.020.000.000	7.020.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.020.000.000	-	(7.020.000.000)
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	7.020.000.000	7.020.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

- Khấu hao tài sản cố định	4.653.336	-	(4.653.336)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	16.596.872.641	16.293.927.367	(302.945.274)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.466.400.130	-	(1.466.400.130)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.773.998.740)	-	1.773.998.740

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động
kinh doanh

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.000.000.000	10.200.000.000	200.000.000
- Tiền thu lãi cho vay	472.187.459	272.187.459	(200.000.000)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- Tiền thu từ đi vay	-	12.800.000.000	12.800.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	12.800.000.000	(11.010.000.000)	(23.810.000.000)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(11.010.000.000)	-	11.010.000.000

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài
chính

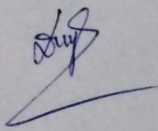
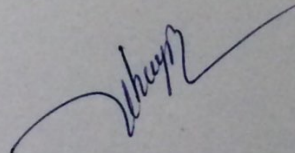
10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phan Thị Khánh Dung

Trần Thị Thủy

Nguyễn Thành Trung

TP.HCM, ngày 20 tháng 12 năm 2017